

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT ÁP DỤNG
GIẢI ĐOẠN 2020 - 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THOẠI SƠN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

I. Giới hạn đô thị: Toàn bộ địa giới hành chính Thị trấn Phú Hòa, Núi Sập và Óc Eo.

II. Giá đất phân theo vị trí, phân loại đường phố

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
A	THỊ TRẤN NÚI SẬP						
I	ĐƯỜNG LOẠI 3						
1	Khu Thương mại Dịch vụ và Dân cư Bắc Cống Vong	Các đường trong khu dân cư	3			800	Bổ sung mới
2	Khu Dân cư Tây Thoại Ngọc Hầu	Các đường trong khu dân cư	3			800	Bổ sung mới
3	Đường bê tông Kênh Cống Vong	Cầu Cống Vong - giáp Khu Thương mại Dịch vụ và Dân cư Bắc Cống Vong	3			800	Bổ sung mới
4	Đường cấp Kênh 600	Suốt đường	3			250	Bổ sung mới
B	THỊ TRẤN PHÚ HÒA						
I	ĐƯỜNG LOẠI 3						
1	Đường nhựa 2m Kênh Mười Cai	Mương Trâu - Kênh Mặc Cần Dện Lớn	3	300		300	Điều chỉnh tách ra từ đoạn Đường nhựa Rạch Mương
2	Đường nhựa Rạch Mương Trâu	Trần Phú - Kênh Mười Cai	3	300		300	Trâu (Trần Phú - Kênh Mặc

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
							Cần Dện lớn)
3	Khu Dân cư Đông An	Các đường trong khu dân cư	3			340	Bổ sung mới

B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
I	XÃ AN BÌNH					
1	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông					
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II					
-	Lộ 15	Cầu Kênh Đào - Cầu Treo An Bình 4	200		200	Điều chỉnh đoạn từ "Lộ 15 (Cầu ranh Vọng Đông - cầu Treo An Bình 4)" thành "Lộ 15 (Cầu Kênh Đào - cầu Treo An Bình 4)"
-	Đường Kênh Núi Trọi	Cầu Núi Trọi - Cầu Bình An - Cầu Vành đai Núi Trọi	180		180	Điều chỉnh đoạn từ "Đường Kênh Núi Trọi (Cầu đúc Núi Trọi - cầu sắt Núi Trọi)" thành "Đường Kênh Núi Trọi (Cầu Núi Trọi - Cầu Bình An - Cầu Vành đai Núi Trọi)"
-	Lộ 15 Vành đai Núi Trọi	Cầu Núi Trọi - Cầu Vành đai Núi Trọi	250		250	Điều chỉnh đoạn từ "Vành đai Núi Trọi (Cầu đúc Núi Trọi - cầu sắt Núi Trọi)" thành "Lộ 15 Vành đai Núi Trọi (Cầu Núi Trọi - Cầu Vành đai Núi Trọi)"

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
-	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Núi Trọi)	Cầu Vành đai Núi Trọi - Cầu Núi Trọi	150		150	Điều chỉnh đoạn từ "Bê tông 2m liên xã (kênh Núi Trọi) (Cầu sắt Núi Trọi - cầu Treo 2000)" thành "Nhựa 3,5m liên xã (kênh Núi Trọi) (Cầu Vành đai Núi Trọi - Cầu Núi Trọi)"
II	XÃ BÌNH THÀNH					
1	Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã)					
a	Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã					
-	Chợ và Khu dân cư Bình Thành	Đường cấp nhà lồng chợ			600	Bổ sung mới
		Các đường còn lại			400	Bổ sung mới
III	XÃ ĐỊNH MỸ					
1	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông					
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II					
-	Nhựa 5,5m (Kênh Định Mỹ 1)	Cầu Trường Tiên - Ranh Xã Mỹ Phú Đông (trừ Chợ Trường Tiên)		120	120	Điều chỉnh đoạn từ "Bê tông 2m (Kênh Định Mỹ 1) (Kênh Áp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông)" thành "Nhựa 5,5m (Kênh Định Mỹ 1) (Cầu Trường Tiên - Ranh Xã Mỹ Phú Đông (trừ Chợ Trường Tiên))"
IV	XÃ ĐỊNH THÀNH					
1	Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã)					
a	Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã					
	Kênh H					

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
-	Tiếp giáp nhà lồng chợ	Đường tỉnh 943 - Đường dal	800		800	Điều chỉnh đoạn từ "Tiếp giáp nhà lồng chợ (Đường tỉnh 943 - Mường chợ)" thành "Tiếp giáp nhà lồng chợ (Đường tỉnh 943 - Đường dal)"
-	Đường dal Kênh H	Đường tỉnh 943 - Đường dal	700		700	Điều chỉnh đoạn từ "Cấp đường đan Kênh H (Từ Đường tỉnh 943 - Cổng tròn Mường Chợ)" thành "Đường dal Kênh H (Đường tỉnh 943 - Đường dal)"
-	Đường dal	Suốt đường	600		600	Điều chỉnh đoạn từ "Mường Chợ (Đường đan - Vào 50 mét)" thành "Đường dal (Suốt đường)"
Chợ Hòa Thành						
-	Đường liên xã	Đường nhựa 5,5m	600		600	Điều chỉnh đoạn từ "Chợ cũ (Liên xã (Đường nhựa 3,5m))" thành "Đường liên xã (Đường nhựa 5,5m)"
Kênh F						
-	Các đường còn lại trong khu dân cư		800		800	Điều chỉnh đoạn từ "Sau nhà lồng chợ (Hẻm sau chợ)" thành "Các đường còn lại trong khu dân cư"
2	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông					
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I					

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
-	Đường cặp Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	Nhựa 5,5m (Đường số 6 - Cầu Ông Đốc (trừ Chợ Hòa Thành))	300		300	Điều chỉnh đoạn từ "Bê tông, nhựa 3,5m trở lên cặp Kênh Rạch Giá - Long Xuyên ((Cầu Lạc Dục - Cầu Ông Đốc (trừ Khu dân cư Chợ Định Thành) và (Cầu Lạc Dục - Cầu Kênh F))" thành "Đường cặp Kênh Rạch Giá - Long Xuyên (Nhựa 5,5m (Đường số 6 - Cầu Ông Đốc (trừ Chợ Hòa Thành))) và (Bê tông (Đường số 6 - Cầu Kênh F))"
		Bê tông (Đường số 6 - Cầu Kênh F)	500		500	
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II					
-	Nhựa 5,5m Kênh H	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên – Đường tỉnh 943	250		250	Điều chỉnh đoạn: "Kênh H lộ nhựa 3,5m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên tới ranh Cần Thơ)" thành "Nhựa 5,5m Kênh H (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên – Đường tỉnh 943) và Nhựa 3,5m Kênh H (Đường tỉnh 943 - Ranh Thành phố Cần Thơ)"
-	Nhựa 3,5m Kênh H	Đường tỉnh 943 - Ranh Thành phố Cần Thơ	250		250	
-	Nhựa 3,5m Kênh H	Đường dal (Chợ Kênh H) - Ranh Thành phố Cần Thơ	200		200	Điều chỉnh đoạn: "Kênh H (đường bê tông 2m liên xã) (Từ cầu Sông Quanh ngoài (tiếp

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
-	Bê tông 2m Kênh H	Cầu Sông Quanh ngoài - Đường tỉnh 943	200		200	giáp kênh Rạch Giá - Long Xuyên) đến giáp ranh Vĩnh Khánh, Thành phố Cần Thơ (không tính đoạn chợ kênh H))" thành "Nhựa 3,5m Kênh H (Đường dal (Chợ Kênh H) - Ranh Thành phố Cần Thơ) và Bê tông 2m Kênh H (Cầu Sông Quanh ngoài - Đường tỉnh 943)"
-	Lộ tế Định Thành	Đường tỉnh 943 – Kênh Rạch Giá - Long Xuyên (trừ Khu dân cư Hòa Thành)	200		200	Điều chỉnh đoạn từ "Lộ tế Định Thành (Đường tỉnh 943 – Kênh Rạch giá - Long Xuyên)" thành "Lộ tế Định Thành (Đường tỉnh 943 – Kênh Rạch Giá - Long Xuyên (trừ Khu dân cư Hòa Thành))"
V	XÃ PHÚ THUẬN					
1	<i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông</i>					
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II					
-	Đường đất Kênh ranh Phú Thuận - Long Xuyên	Kênh Tổ Y Tế - Rạch Bờ Ao			100	Bổ sung mới
VI	XÃ TÂY PHÚ					
1	<i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông</i>					
a	Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vốn huyện					

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
-	Khu dân cư Chợ Tây Phú	Đường số 01, 02	800		800	Điều chỉnh đoạn: "Khu dân cư Chợ Tây Phú (đường số 01, 02 (đường Kênh Hậu chợ))" thành "Khu dân cư Chợ Tây Phú (Đường số 01, 02)"
		Đường bê tông nổi Đường số 01, 02			800	Bổ sung mới
VII	XÃ VĨNH CHÁNH					
1	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông					
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II					
-	Nhựa 3,5m Kênh T5	Kênh 200 - Kênh Hậu 500	100		100	Điều chỉnh đoạn từ "Đường đất kênh T5 (Cầu kênh T5 - ranh Càn Thơ)" thành "Nhựa 3,5m Kênh T5 (Kênh 200 - Kênh Hậu 500) và Đường đất Kênh T5 (Kênh Đòn Dong - Kênh Hậu 500)"
-	Đường đất Kênh T5	Kênh Đòn Dong - Kênh Hậu 500	100		100	
b	Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vốn huyện					
-	Đông An	Các đường trong khu dân cư (Bê tông 3m liên xã - Hết khu dân cư)	340			Điều chỉnh bỏ tuyến, do điều chỉnh địa giới theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012
VIII	XÃ VĨNH KHÁNH					
1	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông					
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Quốc lộ 80, Đường tỉnh 943					
-	Đường tỉnh 943	Cầu kênh Ông Cò - Ranh Xã Định Thành	600 300		600	Điều chỉnh gộp đoạn: "Đường tỉnh 943 (Cầu kênh Ông Cò - Bê tông

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
						3m (đường vào Vĩnh Khánh)) và (Bê tông 3m liên xã đường vào Vĩnh Khánh - Ranh Định Thành)" thành "Đường tỉnh 943 (Cầu kênh Ông Cò - Ranh Xã Định Thành)"
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I					
-	Đường nhựa 3,5m (Kênh Đòn Dong)	Ranh Xã Vĩnh Chánh - Kênh Bốn Tổng	300		300	Điều chỉnh đoạn từ "Đường Nhựa 3,5m (Kênh Đòn Dong) (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh H)" thành "Đường nhựa 3,5m (Kênh Đòn Dong) (Ranh Xã Vĩnh Chánh - Kênh Bốn Tổng) và Đường nhựa 3,5m (Kênh Đòn Dong) (Cổng Chợ - Kênh H)"
-	Đường nhựa 3,5m (Kênh Đòn Dong)	Cổng Chợ - Kênh H	300		300	
-	Đường nhựa 5,5m (Kênh Đòn Dong)	Ranh Xã Vĩnh Chánh - Trường Trung học cơ sở		200	200	Điều chỉnh đoạn từ "Đường Nhựa (Kênh Đòn Dong) (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh H)" thành "Đường nhựa 5,5m (Kênh Đòn Dong) (Ranh Xã Vĩnh Chánh - Trường Trung học cơ sở) và Đường nhựa 5,5m (Kênh Đòn Dong) (Nhà văn hóa cũ - Kênh H)"
-	Đường nhựa 5,5m (Kênh Đòn Dong)	Nhà văn hóa cũ - Kênh H		200	200	
c	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II					

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
-	Đường cấp Kênh Trục	Kênh Đòn Dong - Ranh Xã Định Thành			100	Bổ sung mới
-	Đường đất kênh Cây Cồng	Kênh Đòn Dong - ranh Thành phố Cần Thơ			100	Bổ sung mới
IX	XÃ VĨNH PHÚ					
1	Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã)					
a	Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã					
-	Khu Trung tâm hành chính xã	Các đường trong khu			500	Bổ sung mới
b	Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã					
	Chợ Trung Phú 2					
-	Nhựa 3,5m liên xã (Kênh Ba Dầu)	Đường Vành Đai chợ - Bưu điện Vĩnh Phú	1.300		1.300	Điều chỉnh giới hạn đoạn từ "Bê tông 2m (Hẻm sát nhà ông Sơn - Kênh ranh Làng)" thành "Nhựa 3,5m liên xã (Kênh Ba Dầu) (Đường Vành Đai chợ - Bưu điện Vĩnh Phú)"
-	Đường Khu Vành Đai chợ	Kênh Ba Dầu - Kênh Ranh Làng	1.000		1.000	Điều chỉnh đoạn từ "Đường Khu Vành đai chợ (Từ nhà ông Dũng - Nhà ông Dẫn)" thành "Đường Khu Vành Đai chợ (Kênh Ba Dầu - Kênh Ranh Làng)"
2	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông					
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I					
-	Nhựa 5,5m liên xã (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Cầu ranh Vĩnh Phú, Định Mỹ - Cầu Ba Bần	350		350	Điều chỉnh đoạn từ "Nhựa 3,5m liên xã (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên)"

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
						(Ranh Định Mỹ - Cầu Ba Bần)" thành "Nhựa 5,5m liên xã (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Cầu ranh Vĩnh Phú, Định Mỹ - Cầu Ba Bần)"
-	Nhựa 3,5m liên xã (Bờ Đông Kênh Núi Chóc - Năng Gù)	Ranh Xã Mỹ Phú Đông - Khu dân cư Trung Phú 4	250		250	Điều chỉnh đoạn từ "Bê tông 3,5m liên xã (kênh Núi Chóc - Năng Gù) (Ranh Mỹ Phú Đông - Ranh huyện Châu Thành)" thành "Nhựa 3,5m liên xã (Bờ Đông Kênh Núi Chóc - Năng Gù) (Ranh Xã Mỹ Phú Đông - Khu dân cư Trung Phú 4)"
-	Nhựa 3,5m liên xã (Bờ Tây Kênh Núi Chóc - Năng Gù)	Ranh Xã Mỹ Phú Đông - Đường đất Kênh Ranh Làng	200		200	Điều chỉnh đoạn từ "Nhựa 3,5m (kênh Núi Chóc - Năng Gù) (Ranh Mỹ Phú Đông - Ranh huyện Châu Thành)" thành "Nhựa 3,5m liên xã (Bờ Tây Kênh Núi Chóc - Năng Gù) (Ranh Xã Mỹ Phú Đông - Đường đất Kênh Ranh Làng)"
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II					
-	Nhựa 5,5m liên xã (Bờ Nam Kênh Ba Dầu)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên – Đình Vĩnh	350		350	Điều chỉnh đoạn từ "Nhựa 3,5m liên xã (Kênh Ba Dầu) (Kênh Rạch

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		Phú				Giá - Long Xuyên - Khu dân cư Trung Phú 3)" thành "Nhựa 5,5m liên xã (Bờ Nam kênh Ba Dầu) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên – Đình Vĩnh Phú) và (Ranh nhà Ông Chu - Khu dân cư Trung Phú 3)"
		Ranh nhà Ông Chu - Khu dân cư Trung Phú 3	350		350	
-	Đường nhựa 3,5m (Bờ Bắc Kênh Ba Dầu)	Đường Vành Đai chợ - Cầu Ba Dong	300		300	Điều chỉnh đoạn từ "Đường nhựa (Kênh Ba Dầu) (Đoạn từ nhà ông Dũng - Cầu Ba Dong)" thành "Đường nhựa 3,5m (Bờ Bắc Kênh Ba Dầu) (Đường Vành Đai chợ - Cầu Ba Dong)"
-	Nhựa 3,5m (Bờ Tây Kênh Xẻo Sâu)	Ranh Xã Định Mỹ - Kênh Ba Dầu	150		150	Điều chỉnh đoạn từ "Đường nhựa 3,5m (Kênh Xẻo Sâu, Kênh Vĩnh Tây, Kênh Xẻo Nín, Ranh Làng)" thành "Nhựa 3,5m (Bờ Tây Kênh Xẻo Sâu) (Ranh Xã Định Mỹ - Kênh Ba Dầu), Nhựa 5,5m (Bờ Nam Kênh Vĩnh Tây) (Khu dân cư Trung Phú 3 - Kênh Núi
-	Nhựa 5,5m (Bờ Nam Kênh Vĩnh Tây)	Khu dân cư Trung Phú 3 - Kênh Núi Chóc Năng Gù	150		150	

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
-	Nhựa 3,5m (Bờ Nam Kênh Ranh Làng)	Đường Vành đai chợ - Nhà Ông Bé Năm	150		150	Chóc Năng Gù), Nhựa 3,5m (Bờ Nam Kênh Ranh Làng) (Đường Vành đai chợ - Nhà Ông Bé Năm), Đường nhựa 3,5m (Kênh Xẻo Nín) (Kênh Ba Dầu - Cầu sắt (cống Xẻo Nín)) và Bê tông 2m bờ Đông Kênh Xẻo Nín (Kênh Ba Bàn - Cổng Xẻo Nín)"
-	Đường nhựa 3,5m (Kênh Xẻo Nín)	Kênh Ba Dầu - Cầu sắt (cống Xẻo Nín)		150	150	
-	Bê tông 2m bờ Đông Kênh Xẻo Nín	Kênh Ba Bàn - Cổng Xẻo Nín	150		150	
-	Đường đất bờ Đông Kênh Xẻo Sâu	Ranh Xã Định Mỹ - Kênh Ba Dầu	100		100	Điều chỉnh đoạn từ "Đường đất (Kênh Xẻo Sâu, Vĩnh Tây, ranh Làng, Trường Tiền, kênh T15)" thành "Đường đất bờ Đông Kênh Xẻo Sâu (Ranh Xã Định Mỹ - Kênh Ba Dầu), Đường đất bờ Bắc Kênh Vĩnh Tây (Kênh Ba Dầu – Ranh Xã Tây Phú), Bê tông 2m (Bờ Nam Kênh Vĩnh Tây) (Cầu Vĩnh Tây 2 - Ranh Xã Tây Phú), Đường nhựa 3,5m bờ Nam Kênh Ranh Làng (Kênh Núi Chóc - Năng Gù - Ranh Xã Tây Phú), Đường nhựa 3,5m bờ Đông Kênh T15 (Cầu Vĩnh Tây 2 - Ranh Xã Tây Phú), Nhựa 3,5m
-	Đường đất bờ Bắc Kênh Vĩnh Tây	Kênh Ba Dầu – Ranh Xã Tây Phú	100		100	
-	Bê tông 2m (Bờ Nam Kênh Vĩnh Tây)	Cầu Vĩnh Tây 2 - Ranh Xã Tây Phú	100		100	
-	Đường nhựa 3,5m bờ Nam Kênh Ranh Làng	Kênh Núi Chóc - Năng Gù - Ranh Xã Tây Phú	200		200	
-	Nhựa 3,5m bờ Đông Kênh T15	Cầu Ba Dong - Cầu T15	100		100	

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
-	Đường đất bờ Tây Kênh T15	Kênh Ba Dầu - Cầu T15	100		100	bờ Đông Kênh T15 (Cầu Ba Dong - Cầu T15), Đường đất bờ Tây Kênh T15 (Kênh Ba Dầu - Cầu T15) và
-	Đường đất (Kênh Trường Tiền)	Kênh Xẻo Sâu - Ranh Xã Tây Phú	150		150	Đường đất (Kênh Trường Tiền) (Kênh Xẻo Sâu - Ranh Xã Tây Phú)"
c	Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vốn huyện					
	Trung Phú 4					
-	Nhựa 3,5m (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Kênh Ranh Làng)	Khu dân cư Trung Phú 4	1.000		1.000	Điều chỉnh đoạn từ "Bê tông 2m (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Kênh ranh Làng) (Nhà ông Sáu Núi – nhà ông Bé Năm)" thành "Nhựa 3,5m (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Kênh Ranh Làng) (Khu dân cư Trung Phú 4)"
X	XÃ VỌNG ĐÔNG					
1	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông					
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II					
-	Kênh Thổ Mô	Ranh Óc Eo - Kênh Kiên Hảo		100	100	Điều chỉnh đoạn từ "Kênh Thổ Mô (Ranh Óc Eo – Kênh Kiên Hảo)" thành "Kênh Thổ Mô (Ranh Óc Eo - Kênh Kiên Hảo)"
XI	XÃ VỌNG THỀ					
1	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông					
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông					

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16	Giá đất NQ 01	Giá đất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	liên xã và tiếp giáp kênh cấp II					
-	Đường đất Kênh Vành đai	Cầu Thanh Niên - Kênh Vành Đai	100		100	Điều chỉnh đoạn từ "Đường đất Kênh Mương lộ (Cầu Thanh Niên - Kênh Vành Đai)" thành "Đường đất Kênh Vành đai (Cầu Thanh Niên - Kênh Vành Đai)"
-	Kênh ranh An Giang - Kiên Giang	Kênh Mướp Vắn - Ranh Óc Eo			100	Bổ sung mới

C. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Khu vực	Giá đất NQ 16		Giá đất NQ 01		Giá đất sửa đổi, bổ sung		Ghi chú
		VT1	VT2	VT1	VT2	VT1	VT2	
I	XÃ BÌNH THÀNH							
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản							
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II)							
-	Đường đất bờ Bắc Kênh Thoại Giang III (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hảo)					40	32	Bổ sung mới
2	Đất trồng cây lâu năm							
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II)							
-	Đường đất bờ Bắc Kênh Thoại Giang III (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hảo)					55	44	Bổ sung mới
II	XÃ ĐỊNH MỸ							
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản							
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II)							
-	Kênh Ba Thước (Kênh Ấp Chiến Lược - Ranh Mỹ Phú Đông)					40	32	Bổ sung mới

TT	Khu vực	Giá đất NQ 16		Giá đất NQ 01		Giá đất sửa đổi, bổ sung		Ghi chú
		VT1	VT2	VT1	VT2	VT1	VT2	
-	Kênh Đồng Chòi (Kênh Áp Chiến Lược - Ranh Vĩnh Phú)					40	32	Bổ sung mới
-	Kênh Công Điền (Cầu Công Điền - Bê Tông Định Mỹ 2)					40	32	Bổ sung mới
-	Kênh Cả Răng (Cầu Cả Răng - Ranh Mỹ Phú Đông)					40	32	Bổ sung mới
-	Kênh Bông Súng (Ngã ba đường đất Kênh Định Mỹ 2 - Cầu Bông Súng Kênh Định Mỹ 1)					40	32	Bổ sung mới
2	Đất trồng cây lâu năm							
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II)							
-	Kênh Công Điền (Cầu Công Điền - Bê Tông Định Mỹ 2)					45	36	Bổ sung mới
-	Kênh Cả Răng (Cầu Cả Răng - Ranh Mỹ Phú Đôn)					45	36	Bổ sung mới
-	Kênh Bông Súng (Ngã ba đường đất Kênh Định Mỹ 2 - Cầu Bông Súng Kênh Định Mỹ 1)					45	36	Bổ sung mới
III	XÃ MỸ PHÚ ĐÔNG							
1	Đất trồng cây lâu năm							
a	Khu vực còn lại							
-	Tiếp giáp kênh cấp III	35				40		Tăng giá
-	Khu vực còn lại	30				35		Tăng giá